

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 111/2026/HNGĐ – ST.

Ngày: 10/02/2026.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Hương Giang.**

Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Văn Hành.**

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Từ Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoàng Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc Á**, sinh ngày 09/02/1986.

CCCD số: 025186003481.

Nơi cư trú: Khu V, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Anh Tạ Văn Q**, sinh ngày 19/01/2979.

CCCD số: 001079006172.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – chị Đinh Thị T trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Tạ Văn Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T (nay là UBND xã H), tỉnh Phú Thọ ngày 02/11/2015. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị. Chị và anh Q chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng tới năm 2015 mới

đăng ký kết hôn do nhận thức pháp luật của anh chị còn hạn chế. Sau khi kết hôn, anh chị sống sinh sống tại xã T, huyện T, Hà Nội (nay là xã Đ, Hà Nội). Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm thứ 3, do vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nên chị và 2 con đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) và sinh sống ổn định cho tới nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q vướng vào tệ nạn xã hội. Từ khi chị và các con chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau, anh Q cũng không gọi chị quay về hay tìm hướng khắc phục, không hỏi thăm hay chu cấp gì cho các con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn Q.

- **Về con chung:** Chị và anh Q có 02 con chung là Tạ Trà M, sinh ngày 31/10/2012 và Tạ Khánh V, sinh ngày 21/09/2015.

Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu M và cháu V, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Hiện chị đang kinh doanh tự do, buôn bán rau, củ, quả, gia cầm, có mức thu nhập khoảng 15 – 20 triệu đồng/tháng, nhà chị và các con đang ở là nhà mẹ chị cho chị, đảm bảo cho các con được có điều kiện sống, học tập tốt nhất.

- **Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên anh Tạ Văn Q vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến gửi Tòa án và cũng không có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tạ Văn Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã công bố ý kiến, lời khai của chị Á và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tất cả các buổi làm việc với Tòa án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết

326/30.12.2016 của UBND huyện quy định về án phí xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Á. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Tạ Văn Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Tạ Trà M, sinh ngày 31/10/2012 và Tạ Khánh V, sinh ngày 21/09/2015 cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tạ Văn Q đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Án phí: Chị Á phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Tạ Văn Q có nơi cư trú tại Thôn Y, xã Đ, Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Tạ Văn Q là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T (nay là UBND xã H), tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị Á và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q lên trình bày ý kiến và hoà giải tuy nhiên anh Q đều vắng mặt cho thấy anh Q không có ý thức vun đắp, hàn gắn gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Tạ Văn Q có 02 con chung là Tạ Trà M, sinh ngày 31/10/2012 và Tạ Khánh V, sinh ngày 21/09/2015. Sau khi ly hôn,

chị Á có nguyện vọng nuôi con chung là cháu M, cháu V và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi chị Á và anh Q ly thân đến nay cả 02 con đều ở với mẹ, chị Á có đầy đủ điều kiện nuôi con và đảm bảo được sự phát triển ổn định và toàn diện của các cháu, cả 02 cháu M và V đều là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử thấy giao 02 cháu Tạ Trà M và Tạ Khánh V cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Q có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nhà ở chung:

Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

-Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí: Chị Á phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo chị Á và anh Q có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Xử:

I. Về quan hệ hôn nhân:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Á.
2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Tạ Văn Q.

II. Về con chung:

Chị Á và anh Q có 02 con chung là Tạ Trà M, sinh ngày 31/10/2012 và Tạ Khánh V, sinh ngày 21/09/2015.

Giao 02 con chung là cháu Tạ Trà M và cháu Tạ Khánh V cho chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

III. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

IV. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018116 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

V. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Tạ Văn Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội ;
- VKSND KV 11 – Hà Nội ;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba (nay là UBND xã Hoàng Cương), tỉnh Phú Thọ (số 21, quyển số 01, ngày 02/11/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương Giang